

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 20 tháng 03 năm 2018.

SCIC Chi nhánh phía Nam
ĐẾN 29-03-2018
Số CV đến: 504

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



LLH
Nguyễn Văn Hiệm

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 39

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		42.507.846.902	50.580.505.803
Nợ ngắn hạn	310		37.877.555.876	45.855.614.752
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	6.995.548.249	6.093.598.823
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	3.629.843.108	2.976.696.258
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.273.174.574	166.566.547
Phải trả người lao động	314		5.994.520.495	2.947.392.965
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	996.583.449	4.570.235.080
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.700.802.462	485.095.889
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	11.552.858.455	26.410.310.195
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	3.734.225.084	2.205.718.995
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		4.630.291.026	4.724.891.051
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	4.130.291.026	4.224.891.051
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		500.000.000	500.000.000

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.524.081.138	116.677.063.852
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	118.524.081.138	116.677.063.852
Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.475.800.000	71.475.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.475.800.000	71.475.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.962.558.817	15.962.558.817
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		291.290	291.290
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.085.431.031	29.238.413.745
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>			-	-
<i>lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		1.254.359.224	941.276.565
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		29.831.071.807	28.297.137.180
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		161.031.928.040	167.257.569.655



NGUYỄN VĂN SANG
Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN KIÊM
Tổng Giám Đốc

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	290.732.079.180	265.942.875.262
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.966.161.037	1.201.355.658
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		288.765.918.143	264.741.519.604
Giá vốn hàng bán	11	6.3	227.565.713.532	205.258.854.665
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.200.204.611	59.482.664.939
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	769.622.466	399.482.500
Chi phí tài chính	22	6.5	1.129.517.422	428.696.865
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		872.554.619	288.187.622
Chi phí bán hàng	25	6.6	13.837.570.038	11.682.820.167
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	9.711.176.418	12.291.755.772
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.291.563.199	35.478.874.635
Thu nhập khác	31	6.8	600.016.868	896.522.278
Chi phí khác	32	6.9	380.586.781	627.672.900
Lợi nhuận khác	40		219.430.087	268.849.378
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.510.993.286	35.747.724.013
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	7.548.681.874	7.926.340.612
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.10	131.239.605	(801.153.779)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.831.071.807	28.622.537.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	4.174	3.534



NGUYỄN VĂN SANG
Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN KIEM
Tổng Giám Đốc

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		37.510.993.286	35.747.724.013
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.930.454.010	7.632.186.666
Các khoản dự phòng	03		(1.218.275.738)	4.499.562.938
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(32.178.426)	(142.231.695)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(87.463.789)	44.752.306
Chi phí lãi vay	06		872.554.619	288.187.622
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		45.976.083.962	48.070.181.850
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.691.276.523	(12.540.726.627)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.624.798.459	(5.259.799.695)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.038.580.409	4.531.263.250
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.106.607.961)	(287.883.024)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(872.554.619)	(288.187.622)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.423.313.100)	(9.115.974.631)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.833.747.629)	(1.740.884.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		48.094.516.044	23.367.988.856
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.654.028.797)	(10.394.938.730)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định các tài sản dài hạn khác	22		-	69.545.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		318.048.222	15.733.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.335.980.575)	(10.309.659.416)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	68.637.388.425	39.308.835.805
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(83.565.185.496)	(28.695.254.110)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.872.256.000)	(20.013.224.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37.800.053.071)	(9.399.642.305)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.041.517.602)	3.658.687.135
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		23.286.623.517	19.568.480.268
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		32.178.426	59.456.114
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		20.277.284.341	23.286.623.517



NGUYỄN VĂN SANG
Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN KIÊM
Tổng Giám Đốc

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy.
- Cho thuê mặt bằng
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến thực phẩm
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
- In nhãn bao bì phục vụ đóng gói hàng hóa
- Mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy. Mua bán thủy hải sản, thịt và các sản phẩm từ thịt.
- Mua bán đồ uống có cồn (rượu) và không cồn.
- Sản xuất bao bì giấy, giấy nhãn, bìa nhãn, bìa cứng, thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy.
- Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng như: túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải
- Bán buôn các sản phẩm: giấy nhãn, bìa nhãn, bìa cứng, thùng đựng hàng hóa các loại bằng giấy; túi, hộp, thùng, bình lớn, chai lọ, bao tải, bao bì được sản xuất bằng plastic

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	483 Tên Lửa, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Bánh Phồng Tôm Sa Giang 1	Lô CII-3, Đường số 5, Khu công nghiệp C, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Xí nghiệp Bánh Phồng Tôm Sa Giang 2	Lô III-2 và Lô III-3, Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Xí nghiệp Sa Giang Food	Lô III-2 và Lô III-3, Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 532 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 517 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (49 năm)

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính. Khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu là: Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định.

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian trong năm. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

4.11 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau. Trong năm, Công ty không có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

SA GIANG
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH TM Thực Phẩm Phong Phú	Giám đốc là Ông Phạm Thanh Hùng (Hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị)
Cửa hàng Sa Giang	Chủ cửa hàng là Ông Phạm Thanh Hùng (Hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị)
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Đồng Tháp	Ông Phạm Hữu Quá là Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hiện là Chủ tịch Hội đồng quản trị)
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	Giám đốc là Ông Lê Văn Phúc (Hiện Thành viên Hội đồng quản trị)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt		
- VND	587.189.874	164.170.169
- USD (i)	241.630.432	325.022.323
- EUR (i)	29.282.593	57.208.580
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	17.252.088.689	5.310.838.554
- USD (i)	2.167.092.753	17.429.383.891
	20.277.284.341	23.286.623.517

(i) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt		
- USD	10.660,95	241.630.432
- EUR	1.084,42	29.282.593
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	95.617,44	2.167.092.753
	107.362,81	2.438.005.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH TM Thực Phẩm Phong Phú	3.808.698.641	2.139.674.591
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Đồng Tháp	500.005	1.125.003
Cửa hàng Sa Giang	945.780.146	3.504.764.915
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hợp Phát	7.458.185.025	8.024.331.440
Kwan Yick., Ltd	-	1.201.797.120
Cty TNHH Thực Phẩm Pepsico Việt Nam	3.609.067.000	3.607.754.612
Đối tượng khác	(*) 15.632.482.158	16.040.189.923
	31.454.712.975	34.519.637.604

(i) Trong đó, khách hàng có số nguyên tệ gốc USD là 457.382,59 tương đương 10.366.576.402 VND

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH SX Tinh Bột Khoai Mì Bình Minh	9.273.330.000	2.772.000.000
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Thanh Thanh Xuân	572.550.000	10.106.250.000
Công ty TNHH Bao Bì AG	1.580.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	992.250.178	3.798.644.719
	12.418.130.178	16.676.894.719

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Thành viên chủ chốt - Phải thu tạm ứng	-	-	91.069.239	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	387.608.353	-	440.196.473	-
Phải thu khác	201.803.986	-	261.025.938	-
	589.412.339	-	792.291.650	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn trên 3 năm				
Trần Văn Hùng	147.011.700	-	147.011.700	-
Hoo Hing.,Ltd	660.477.240	-	660.477.240	-
Khách hàng khác	70.003.103	-	1.193.678.816	-
	877.492.043	-	2.001.167.756	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	(2.001.167.756)	-	(2.001.167.756)
Hoàn nhập dự phòng	1.094.294.888	-	1.094.294.888
Xóa nợ	29.380.825	-	29.380.825
Tại ngày 31/12/2017	(877.492.043)	-	(877.492.043)

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.072.340.504	-	9.527.977.648	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.599.910.629	-	2.930.349.279	-
Thành phẩm	8.107.815.751	-	12.882.935.452	-
	24.308.188.258	-	26.932.986.717	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí sửa chữa	1.639.934.321	645.493.706
Chi phí khác	326.434.363	106.915.000
	1.966.368.684	752.408.706

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	3.274.236.525	3.381.588.542
	3.274.236.525	3.381.588.542

(*) Đây là chi phí tiền thuê đất khu công nghiệp và được cấp quyền sử dụng đất sau ngày có hiệu lực đất đai năm 2003.

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2017	62.323.403.828	39.593.535.209	2.577.429.709	104.494.368.746
Mua trong năm	-	2.569.509.455	-	2.569.509.455
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	236.938.545	7.661.227.191	-	7.898.165.736
Giảm do thanh lý	(43.915.500)	(1.513.775.506)	-	(1.557.691.006)
Tại ngày 31/12/2017	62.516.426.873	48.310.496.349	2.577.429.709	113.404.352.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2017	24.801.651.201	18.108.263.136	1.272.413.878	44.182.328.215
Khấu hao trong năm	3.838.489.952	4.878.994.120	332.231.818	9.049.715.890
Giảm do thanh lý	(43.915.500)	(1.283.191.073)	-	(1.327.106.573)
Tại ngày 31/12/2017	<u>28.596.225.653</u>	<u>21.704.066.183</u>	<u>1.604.645.696</u>	<u>51.904.937.532</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2017	<u>37.521.752.627</u>	<u>21.485.272.073</u>	<u>1.305.015.831</u>	<u>60.312.040.531</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>33.920.201.220</u>	<u>26.606.430.166</u>	<u>972.784.013</u>	<u>61.499.415.399</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Tại ngày 01/01/2017	<u>2.965.740.198</u>	<u>8.375.252.341</u>	<u>584.038.800</u>	<u>11.925.031.339</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>3.000.365.907</u>	<u>8.132.288.616</u>	<u>584.038.800</u>	<u>11.716.693.323</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2017 là 22.086.643.718 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (tại ngày 01/01/2017: 30,5 tỷ đồng)

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2017 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2017 VND
Dây chuyền sấy dẻo Bán thành phẩm thứ 2 Sa Giang II	-	850.668.205	-	850.668.205
Nhà kho mới Sa Giang II	-	1.818.181.818	-	1.818.181.818
Máy ép bún tự động	-	501.776.310	-	501.776.310
Tư vấn khảo sát địa hình	-	72.727.273	-	72.727.273
Máy đóng gói	-	570.000.000	-	570.000.000
Các công trình mua sắm và xây dựng cơ bản khác	-	7.898.165.736	(7.898.165.736)	-
	-	<u>11.711.519.342</u>	<u>(7.898.165.736)</u>	<u>3.813.353.606</u>

5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	01/01/2017 VND	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	31/12/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
- Chi phí dự phòng nợ phải thu	220.319.069	(180.690.435)	39.628.634
- Chi phí hoàn nguyên	401.955.830	-	401.955.830
- Dự phòng trợ cấp mất việc	443.022.380	(18.920.005)	424.102.375
- Lãi chưa thực hiện	-	68.370.835	68.370.835
	<u>1.065.297.279</u>	<u>(131.239.605)</u>	<u>934.057.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	886.493.520	500.440.820
Công ty CP Sách - Thiết Bị Đồng Tháp	24.552.000	-
Phải trả các đối tượng khác		
Công ty TNHH SX TM DV Kiệt Thành	960.848.020	687.270.210
Công ty TNHH SX TM Bao Bì Tân Tiến Phát Tài	582.602.478	923.418.832
Công ty CP Phú Long	181.041.069	620.395.270
Các nhà cung cấp khác	4.360.011.162	3.362.073.691
	6.995.548.249	6.093.598.823

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Nguyên tệ USD	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước của các khách hàng khác			
KK Food Trading Co.,LTD	34.730,10	787.505.018	629.141.895
Oriental Merchant Europe	32.670,00	740.792.250	-
THC Trade Limited	12.000,00	272.100.000	313.437.360
Các khách hàng khác (*)		1.829.445.840	2.034.117.003
		3.629.843.108	2.976.696.258

(*) Trong đó, khách hàng có số nguyên tệ gốc USD là 37.080,77 USD tương đương 844.884.007 VND

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119.100.640	-	7.548.681.874	(5.423.313.100)	2.244.469.414
Thuế thu nhập cá nhân	47.465.907	-	1.317.472.969	(1.336.233.716)	28.705.160
Tiền thuế đất	-	-	109.328.868	(109.328.868)	-
Các loại thuế khác	-	-	28.009.975	(28.009.975)	-
	166.566.547	-	9.003.493.686	(6.896.885.659)	2.273.174.574

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm xuất khẩu là 0%; bán nội địa là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các khoản thu nhập khác được tính theo thuế suất phổ thông là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.510.993.286	35.747.724.013
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	232.416.083	3.883.979.045
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.031.082.238)	(456.359.854)
Thu nhập chịu thuế	37.743.409.369	39.631.703.058
Thu nhập tính thuế	37.743.409.369	39.631.703.058
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.548.681.874	7.926.340.612

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí nhân viên	-	4.109.431.877
Trích trước chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	571.130.475	-
Chi phí cước tàu	159.169.880	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	266.283.094	460.803.203
	996.583.449	4.570.235.080

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	Nguyên tệ USD	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các bên liên quan			
Thành viên chủ chốt – Tiền thưởng vượt kế hoạch		1.749.544.803	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác			
Tài sản thừa chờ giải quyết		140.868.675	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.727,00	566.680.697	359.899.442
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		243.708.287	125.196.447
		2.700.802.462	485.095.889

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

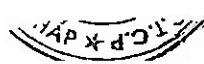
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Sa Đéc - VND	-	-	9.776.481.965	9.776.481.965
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc - VND	-	-	5.046.582.790	5.046.582.790
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp - VND (a)	11.552.858.455	11.552.858.455	11.587.245.440	11.587.245.440
	<u>11.552.858.455</u>	<u>11.552.858.455</u>	<u>26.410.310.195</u>	<u>26.410.310.195</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng					
Đô la Mỹ (USD)					
- Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Sa Đéc	9.776.481.965	3.652.308.000	(53.802.495)	(13.374.987.470)	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sa Đéc	5.046.582.790	4.359.985.080	43.654.930	(9.450.222.800)	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đồng Tháp	11.587.245.440	47.835.125.794	80.492.896	(47.950.005.675)	11.552.858.455
Đồng Việt Nam (VND)					
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Sa Đéc	-	10.000.000.000	-	(10.000.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đồng Tháp	-	2.789.969.551	-	(2.789.969.551)	-
	<u>26.410.310.195</u>	<u>68.637.388.425</u>	<u>70.345.331</u>	<u>(83.565.185.496)</u>	<u>11.552.858.455</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(a) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp Hợp đồng tín dụng hạn mức số 381/2017/NHNT.ĐT được ký kết ngày 29 tháng 06 năm 2017

Hạn mức	:	30.000.000.000 VND (Bao gồm VND và Ngoại tệ tương đương)
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động
Thời hạn vay	:	4 tháng
Lãi suất vay	:	2,5%/năm đối với USD
Hình thức đảm bảo	:	Đảm bảo một phần bằng tài sản sau: Công trình xây dựng là nhà máy bánh phồng tôm tại Lô III-2 và lô III-3, Khu A1, KCN Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp giá trị còn lại của tài sản ngày 31/12/2017 là 22.086.643.718 VND

Số dư tại ngày 31/12/2017 508.153,00 USD tương đương 11.552.858.455 VND

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2017	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	911.141.381	2.862.253.718	(1.214.235.749)	2.559.159.350
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	1.290.552.614	-	(119.261.880)	1.171.290.734
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.025.000	500.000.000	(500.250.000)	3.775.000
	2.205.718.995	3.362.253.718	(1.833.747.629)	3.734.225.084

5.18 Dự phòng phải trả dài hạn

	01/01/2017	Số sử dụng trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.215.111.900	(94.600.025)	2.120.511.875
Chi phí hoàn nguyên	2.009.779.151	-	2.009.779.151
	4.224.891.051	(94.600.025)	4.130.291.026

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư	Quỹ khác	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận chưa	Cộng
	của CSH	thuộc vốn	phát triển	phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước					
Tại ngày 01/01/2016	71.475.800.000	291.290	15.962.558.817	22.279.889.880	109.718.539.987
Lãi trong năm	-	-	-	28.622.537.180	28.622.537.180
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.325.389.315)	(1.325.389.315)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(20.013.224.000)	(20.013.224.000)
Chia thù lao Hội đồng Quản Trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(325.400.000)	(325.400.000)
Tại ngày 31/12/2016	71.475.800.000	291.290	15.962.558.817	29.238.413.745	116.677.063.852
Năm này					
Tại ngày 01/01/2017	71.475.800.000	291.290	15.962.558.817	29.238.413.745	116.677.063.852
Lãi trong năm	-	-	-	29.831.071.807	29.831.071.807
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(22.872.256.000)	(22.872.256.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.862.253.718)	(2.862.253.718)
Trích lập quỹ thường Hội đồng quản trị	-	-	-	(1.749.544.803)	(1.749.544.803)
Trích lập quỹ thường ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	71.475.800.000	291.290	15.962.558.817	31.085.431.031	118.524.081.138

5.20.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	35.657.590.000	49,89	35.657.590.000	49,89
Các đối tượng khác	35.818.210.000	50,11	35.818.210.000	50,11
	71.475.800.000	100,00	71.475.800.000	100,00

5.21 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.147.580	7.147.580
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu phổ thông	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu phổ thông	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.22 Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 25 tháng 04 năm 2017:

		VND
Chia cổ tức trong năm	:	22.872.256.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	5.111.798.521
<i>Trong đó:</i>		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	2.862.253.718
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	:	500.000.000
- Quỹ thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	:	1.749.544.803

Tại ngày kết thúc năm tài chính không có cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi.

5.23 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.23.1 Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dollar Mỹ (USD)	106.278,39	781.263,58
Euro (EUR)	1.084,42	2.410,00

5.23.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	31/12/2017	01/01/2017
Cửa hàng Tạp hóa Hải Yến	Không có khả năng thu hồi do không còn cư trú hoạt động ở địa phương	29.380.825	-
Các khách hàng khác	Không có khả năng thu hồi	330.400.345	330.400.345
		359.781.170	330.400.345

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán thành phẩm	290.693.354.021	265.850.967.639
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	26.654.655
Doanh thu khác	38.725.159	65.252.968
	290.732.079.180	265.942.875.262

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

		2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH TM TP Phong Phú	Bán thành phẩm - Bán phòng tôm, bún gạo	20.065.321.686	12.552.949.705
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Đồng Tháp	Bán hàng - Nước uống	5.272.760	32.584.587
Cửa hàng Sa Giang	Bán thành phẩm - Bán phòng tôm, bún gạo	14.231.995.886	18.186.803.001
		34.302.590.333	30.772.337.293

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2017 VND	2016 VND
Chiết khấu thương mại	109.090.909	116.062.256
Hàng bán bị trả lại	663.937.251	1.085.293.402
Giảm giá hàng bán	1.193.132.877	-
	<u>1.966.161.037</u>	<u>1.201.355.658</u>

6.3 Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn thành phẩm	227.515.794.100	202.764.108.130
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	259.489.292
Chi phí hoàn nguyên	-	2.009.779.151
Giá vốn khác	49.919.432	225.478.092
	<u>227.565.713.532</u>	<u>205.258.854.665</u>

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	318.048.222	27.603.336
Chênh lệch tỷ giá	451.574.244	371.879.164
	<u>769.622.466</u>	<u>399.482.500</u>

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	872.554.619	288.187.622
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	219.245.049	132.187.004
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.717.754	8.322.239
	<u>1.129.517.422</u>	<u>428.696.865</u>

6.6 Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	9.641.706.614	8.671.851.922
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	504.329.449	899.974.706
Chi phí bằng tiền khác	3.027.485.264	890.770.085
	<u>13.837.570.038</u>	<u>11.682.820.167</u>

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.051.208.470	3.526.810.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	332.231.818	332.231.820
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập)	(1.094.294.888)	1.524.573.512

	2017 VND	2016 VND
Trích lập/ (hoàn nhập) quỹ khoa học công nghệ	-	500.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	965.210.275
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.279.452.616	5.291.548.268
	9.711.176.418	12.291.755.772
6.8 Thu nhập khác		
	2017 VND	2016 VND
Lãi thanh lý tài sản	-	12.890.357
- <i>Thu thanh lý tài sản cố định</i>	-	69.545.455
- <i>Chi phí thanh lý tài sản cố định</i>	-	(56.655.098)
Nhập vật tư thừa do kiểm kê	271.526.509	528.355.567
Các khoản thu nhập khác	328.490.359	355.276.354
	600.016.868	896.522.278
6.9 Chi phí khác		
	2017 VND	2016 VND
Lỗ thanh lý tài sản	230.584.433	-
- <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	230.584.433	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	60.974.045
Chi phí khác	150.002.348	566.698.855
	380.586.781	627.672.900
6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	2017 VND	2016 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	998.052.196	-
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(341.854.171)	(4.005.768.894)
Tổng chênh lệch tạm thời chịu thuế TN hoãn lại	656.198.025	(4.005.768.894)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	199.610.439	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(68.370.834)	(801.153.779)
	131.239.605	(801.153.779)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.831.071.807	28.622.537.180
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.362.253.718)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.831.071.807	25.260.283.462
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.147.580	7.147.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.174	3.534

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.387.544.981	143.166.598.287
Chi phí nhân công	49.219.403.406	43.517.183.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.930.454.010	7.632.186.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.680.700.491	14.512.127.479
Chi phí khác	27.944.629.209	27.412.926.936
	248.162.732.097	236.241.023.139

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	2017 VND	2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	68.637.388.425	39.308.835.805
	68.637.388.425	39.308.835.805

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2017 VND	2016 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	(83.565.185.496)	(28.695.254.110)
	(83.565.185.496)	(28.695.254.110)

8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	11.552.858.455	-	11.552.858.455
Phải trả người bán	6.995.548.249	-	6.995.548.249
Chi phí phải trả	996.583.449	-	996.583.449
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.460.349.114	-	2.460.349.114
	22.005.339.267	-	22.005.339.267
Ngày 01 tháng 01 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	26.410.310.195	-	26.410.310.195
Phải trả người bán	6.093.598.823	-	6.093.598.823
Chi phí phải trả	4.570.235.080	-	4.570.235.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	396.003.948	-	396.003.948
	37.470.148.046	-	37.470.148.046

Công ty cho rằng mức độ lập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2017 và 01/01/2017.

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	25.822.242.140	26.872.905.339	25.822.242.140	26.872.905.339
Phải thu các bên liên quan	4.754.978.792	5.645.564.509	4.754.978.792	5.645.564.509
Các khoản phải thu khác	26.437.000	93.450.474	26.437.000	93.450.474
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.277.284.341	23.286.623.517	20.277.284.341	23.286.623.517
Tổng cộng	50.880.942.273	55.898.543.839	50.880.942.273	55.898.543.839

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	11.552.858.455	26.410.310.195	11.552.858.455	26.410.310.195
Phải trả các bên liên quan	2.660.590.323	500.440.820	2.660.590.323	500.440.820
Phải trả người bán	6.084.502.729	5.593.158.003	6.084.502.729	5.593.158.003
Chi phí phải trả	996.583.449	4.570.235.080	996.583.449	4.570.235.080
Phải trả khác	710.804.311	396.003.948	710.804.311	396.003.948
Tổng cộng	22.005.339.267	37.470.148.046	22.005.339.267	37.470.148.046

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017 Ban Tổng Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất bánh phồng tôm các loại.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

2017	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.896.002.295	128.869.915.848	288.765.918.143
Chi phí bộ phận	(134.137.813.268)	(93.427.388.335)	(227.565.713.532)
Kết quả kinh doanh bộ phận	25.758.189.027	35.442.527.513	61.200.204.611
Chi phí không phân bổ			(23.548.746.456)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
Thu nhập hoạt động tài chính			769.622.466
Chi phí hoạt động tài chính			(1.129.517.422)
Thu nhập khác			600.016.868
Chi phí khác			(380.586.781)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.548.681.874)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(131.239.605)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			29.831.071.807

Tại ngày 31/12/2017

Tài sản và nợ phải trả

Tài sản trực tiếp của bộ phận	10.366.576.402	21.088.136.573	31.454.712.975
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			129.577.215.065
Tổng tài sản			161.031.928.040

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

2017	Hoạt động xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.645.281.275	984.561.833	3.629.843.108
Nợ phải trả không phân bổ			38.878.003.794
Tổng nợ phải trả			42.507.846.902
2016	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.735.115.456	117.006.404.148	264.741.519.604
Chi phí bộ phận	(121.486.834.663)	(83.772.020.002)	(205.258.854.665)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	26.248.280.793	33.234.384.146	59.482.664.939
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(23.974.575.939)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			35.508.089.000
Doanh thu hoạt động tài chính			399.482.500
Chi phí tài chính			(428.696.865)
Thu nhập khác			896.522.278
Chi phí khác			(627.672.900)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.926.340.612)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			801.153.779
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			28.622.537.180
Tại ngày 01/01/2017			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	12.028.897.272	22.490.740.332	34.519.637.604
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			132.737.932.051
Tổng tài sản			167.257.569.655
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.253.262.423	723.433.835	2.976.696.258
Nợ phải trả không phân bổ			47.603.809.545
Tổng nợ phải trả			50.580.505.803

10 CÁC THÔNG TIN KHÁC

10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các giao dịch chủ yếu khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2017 VND	2016 VND
Hội đồng quản trị - Cổ tức được chia	1.430.489.600	1.237.678.400
Ban kiểm soát - Cổ tức được chia	28.224.000	24.690.000
Ban tổng giám đốc - Cổ tức được chia	161.728.000	141.512.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tiền lương và tiền thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt

	2017 VND	2016 VND
Tiền lương	2.368.344.753	1.543.349.431
Thù lao	708.400.000	570.400.000
	3.076.744.753	2.113.749.431

10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH Thương mại Thực phẩm Phong Phú		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.065.321.686	12.552.949.705
Công ty CP Sách-Thiết bị Đồng Tháp - Mua hàng hóa		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.272.760	32.584.587
- Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	317.166.025	322.188.190
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc		
- Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	3.535.746.900	3.897.039.520
Cửa hàng Sa Giang		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.231.995.886	18.186.803.001

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH TM Thực Phẩm Phong Phú	3.808.698.641	2.139.674.591
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Đồng Tháp	500.005	1.125.003
Cửa hàng Sa Giang	945.780.146	3.504.764.915

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phải trả tiền mua hàng		
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	886.493.520	500.440.820
Công ty CP Sách - Thiết Bị Đồng Tháp	24.552.000	-

10.2 Trình bày lại số liệu so sánh

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông năm 2017 ngày 25 tháng 04 năm 2017.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	2016 Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	2016 Số liệu trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.807	(273)	3.534

10.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN VĂN SANG
Người lập biểu



NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN KIÊM
Tổng Giám đốc

Sa Đéc, ngày 15 tháng 03 năm 2018



247Express

B/4 - Sđ - Lữ
15/4 Lữ - Sđ

Số vận đơn

5000783/432

FROM

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
SA GIANG
MST: 1400469817
11/11/3, Đường số 5, KCN. C, TP. Sóc Trăng, T. Đồng Tháp

TO

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - CN phía nam
16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM
Công bố thông tin: Báo cáo tài chính năm 2017

Quận/Huyện (District)

Tỉnh/thành phố (Province/city)

P.Code

Tên liên hệ (Contact Name)

Mrs. Đoàn Đăng Quý An

P.Code

Số điện thoại (Tel)



HOTLINE 19006980

www.247post.vn

NHANH
HỒN
BẢN
NGHI